

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

**TỔ CHỨC DẠY HỌC
THEO QUAN ĐIỂM SƯ PHẠM TƯƠNG TÁC
Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC**

CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ GIÁO DỤC

MÃ SỐ: 62.14.01.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS. TS. Phó Đức Hoà**
- 2. TS. Từ Đức Văn**

HÀ NỘI - 2010

Công trình được hoàn thành tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Người hướng dẫn khoa học:

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng cấp nhà nước luận án Tiến sĩ
họp tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Vào hồi ... ngày ... tháng ... năm 2010

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Tiểu học là bậc học nền tảng, bậc học đầu tiên có nhiệm vụ chuẩn bị cơ sở ban đầu về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản cho các bậc học kế tiếp. Chính vì vậy, đổi mới phương pháp dạy học góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường tiểu học lại càng đòi hỏi mạnh mẽ hơn. Luật Giáo dục (2005) đã nêu rõ: “Phương pháp giáo dục tiểu học phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh, phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh.”

1.2. Thực tế đã cho thấy, giáo dục hiện nay chưa đáp ứng kịp với những đòi hỏi chuyển biến của xã hội. Phương pháp dạy học về cơ bản vẫn theo lối truyền thụ một chiều, đòi hỏi người học phải ghi nhớ máy móc, không phát huy được tư duy phê phán, tư duy sáng tạo và tinh thần tự học ở người học.

1.3. Hiện nay, để đáp ứng được nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, quan điểm sư phạm tương tác đã và đang được các nhà khoa học, các nhà giáo quan tâm nghiên cứu ứng dụng, coi đó là một hướng tiếp cận dạy học, đường hướng sư phạm năng động, thân thiện. Tuy đó là một quan điểm dạy học còn chưa phổ biến ở Việt Nam, nhưng lại là một trong những quan điểm dạy học mang lại hiệu quả cao và khá phổ biến ở các nước tiên tiến. Do tính chất còn mới mẻ nên việc vận dụng nó đúng đắn đòi hỏi phải nghiên cứu, thử nghiệm và điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể của trường tiểu học nước ta hiện nay.

1.4. Việc nghiên cứu vận dụng quan điểm dạy học này đã được tiến hành trong vài năm gần đây ở Việt Nam, chủ yếu trong khuôn khổ hoạt động của các dự án phát triển giáo dục ở các cấp học cao hoặc giáo dục người lớn. Ở tiểu học những nghiên cứu này nói chung chưa mang lại kết quả cụ thể, cần phải được tiếp tục và phát triển có tính mục đích hơn.

1.5. Việc áp dụng quan điểm sư phạm tương tác vào dạy học tiểu học, dựa trên những tiêu chí phù hợp với đặc điểm tâm lý nhận thức lứa tuổi học sinh tiểu học là việc làm phù hợp và đúng đắn trong giai đoạn hiện nay để góp phần đổi mới phương pháp dạy học, hướng học sinh tới các hoạt động học tập chủ động, sáng tạo chống lại thói quen học tập thụ động giáo điều, nâng cao chất lượng dạy học ở tiểu học, phù hợp với tinh thần học tập trong một trường học an toàn, thân thiện.

Xuất phát từ những cơ sở lí do nêu trên, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu: “*Tổ chức dạy học theo quan điểm sư phạm tương tác ở trường tiểu học*”.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất các biện pháp tổ chức dạy học theo quan điểm sư phạm tương tác nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường tiểu học thông qua một số môn học.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quá trình dạy học trong nhà trường tiểu học.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Mối quan hệ tương tác giữa giáo viên- học sinh và môi trường dạy học

4. Giả thuyết khoa học

Nếu các biện pháp tổ chức dạy học theo quan điểm sự phạm tương tác được xây dựng và thực hiện bằng nhiều hình thức hoạt động học tập, trong môi trường thân thiện và đa dạng về thông tin, trong quan hệ hợp tác và khuyến khích vai trò chủ động của học sinh thì sẽ dẫn đến kết quả học tập cao hơn so với điều kiện dạy học thông thường.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Xác định cơ sở lý luận của việc dạy học theo quan điểm sự phạm tương tác, phân tích thực trạng và điều kiện dạy học theo quan điểm sự phạm tương tác trong nhà trường tiểu học hiện nay.

5.2. Đề xuất các biện pháp tổ chức dạy học theo quan điểm sự phạm tương tác ở trường tiểu học.

5.3. Tổ chức thực nghiệm dạy học theo quan điểm sự phạm tương tác trong nhà trường tiểu học để kiểm chứng giả thuyết khoa học của luận án.

6. Phạm vi, giới hạn của đề tài

6.1. Giới hạn nội dung

Đề tài tập trung nghiên cứu các biện pháp tổ chức dạy học theo quan điểm sự phạm tương tác ở trường tiểu học.

6.2. Giới hạn địa bàn

Đề tài triển khai nghiên cứu điều tra trên các giáo viên tiểu học ở các tỉnh(thành phố):

- Khu vực miền Bắc: Hà Nội, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Dương.
- Khu vực miền Trung : Thanh Hoá, Nghệ An.
- Khu vực miền Nam: Trà Vinh, Cần Thơ.

▪ Thực nghiệm được tiến hành với các nghiệm thể là học sinh lớp 4, 5 các trường tiểu học: Thăng Long (quận Hoàn Kiếm, Hà Nội), Thịnh Liệt (quận Hoàng Mai, Hà Nội) và Thanh Bình (phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình)

6.3. Thời gian: Năm học 2007- 2008, 2008- 2009.

6.4. Môn học tiến hành thực nghiệm: Môn Tiếng Việt lớp 4 (phân môn Tập làm văn); Môn Tiếng Việt lớp 5 (phân môn Tập làm văn), Môn Lịch sử và Địa lí lớp 4 (phân môn Địa lí lớp 4).

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lí luận: thu thập, đọc và xử lí các tài liệu có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

7.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn: điều tra bằng anket, quan sát, chuyên gia, thực nghiệm sự phạm, nghiên cứu điển hình (Case study)...

7.3. Phương pháp thống kê toán học: hệ số tương quan Paerson và phần mềm SPSS 17.0 để phân tích kết quả điều tra thực trạng và xử lý kết quả thực nghiệm.

8. Luận điểm cần bảo vệ và đóng góp mới của luận án

8.1. Luận điểm cần bảo vệ

- Sự phạm tương tác đòi hỏi phải tổ chức dạy học ở tiểu học phải thích ứng với học sinh tiểu học, học chế ở trường tiểu học, môi trường giàu thông tin, khả

năng học tập hợp tác và chủ động của học sinh cũng như mối quan hệ sư phạm mang tính nhân văn.

- Sư phạm tương tác được tổ chức và thực hiện đúng đắn sẽ mang lại kết quả học tập cao và nhiều lợi ích sư phạm khác trong sự phát triển của người học như tính tích cực, chủ động, tính sáng tạo, tinh thần hợp tác và khả năng hoà nhập với môi trường.
- Sư phạm tương tác cho dù có giá trị sư phạm cao song không phải là quan điểm duy nhất hiệu quả trong dạy học ở trường tiểu học. Nó mang lại hiệu quả thực sự và khác biệt nếu giúp người học vận hành tối ưu bộ máy học và giúp người dạy phát huy được tính chủ động, tích cực của người học.

8.2. Đóng góp mới của đề tài

- Luận án bước đầu phát triển một số vấn đề lý luận của quan điểm SPTT vào dạy học tiểu học dựa trên việc tìm hiểu và phân tích những thuận lợi của quan điểm SPTT; trên cơ sở đó làm phong phú hơn lý luận về tương tác của Denmomé và M. Roy bằng cách bổ sung môi trường trù tượng vào thực tế dạy học tiểu học ở Việt Nam.

- Trên cơ sở tìm hiểu điều tra thực trạng các quan hệ tương tác trong dạy học tiểu học hiện nay từ góc nhìn của SPTT, luận án đưa ra những nhận xét về những thuận lợi và khó khăn khi sử dụng SPTT trong giờ lên lớp ở trường tiểu học nhằm khẳng định tính khả thi của việc vận dụng SPTT trong dạy học tiểu học ở nước ta.

- Luận án đề xuất các biện pháp tổ chức dạy học theo quan điểm SPTT phù hợp với điều kiện thực tiễn dạy học tiểu học ở nước ta; từ đó xác định các điều kiện phù hợp cho dạy học theo quan điểm SPTT trong nhà trường tiểu học nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học ở các lớp cuối cấp.

9. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của dạy học theo quan điểm sư phạm tương tác

Chương 2: Biện pháp tổ chức dạy học theo quan điểm sư phạm tương tác ở trường tiểu học

Chương 3: Tổ chức thực nghiệm dạy học theo quan điểm sư phạm tương tác

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

CỦA DẠY HỌC THEO QUAN ĐIỂM SỰ PHẠM TƯƠNG TÁC

1.1. Tổng quan về vấn đề dạy học theo quan điểm sự phạm tương tác

Dạy học theo quan điểm sự phạm tương tác đã và đang được các nhà khoa học trên thế giới và Việt Nam quan tâm nghiên cứu và có những cách vận dụng khác nhau

1.1.1. Trên thế giới

Việc tìm kiếm các phương pháp giáo dục hiệu quả, được hiểu là “giảng dạy có sự tương tác”, đã có một lịch sử lâu dài, bắt đầu từ nửa cuối thế kỉ trước. Nỗ lực tìm ra các biện pháp đáng tin cậy nhằm tìm ra phương pháp giảng dạy như vậy đã được ít nhất ba thế hệ các nhà nghiên cứu phát huy. Các phạm trù phân tích tương tác Flanders hay FIAC được coi là phương pháp quan sát sự tương tác trên lớp học nổi tiếng nhất và có thể được coi như cha đẻ của các phương pháp hiện đại, được phát triển tại Đại học Minnesota cuối những năm 1950. Nghiên cứu về dạy học tương tác ở tiểu học mang tính ứng dụng, các nhà khoa học giáo dục ở vương quốc Anh, Galton (1980) đã sử dụng quan sát và tiến hành có tính hệ thống để tìm hiểu về sự tương tác diễn ra trong lớp tiểu học và giới thiệu hệ thống các loại hình ứng xử của cả HS và GV. Trong 2 năm (1999-2001) dự án SPRINT- dự án Nghiên cứu về dạy học tương tác ở tiểu học với sự hỗ trợ về tài chính từ phía Hội đồng Nghiên cứu Xã hội và Kinh tế (ESRC) đã nghiên cứu về những hiểu biết của GV tiểu học về dạy học tương tác và việc sử dụng phương pháp dạy học tương tác trên lớp. Ngoài các tác giả trên, phải kể đến những nghiên cứu của nhóm tác giả thuộc Viện Đại học Đào tạo Giáo viên (IUFM) ở Grenoble (Pháp) như Guy Brousseau, Claude Comiti, M.Artigue, R. Douady, C. Margolinas.

Gần đây nhất, công trình nghiên cứu tại trung tâm nghiên cứu giáo dục quốc tế (CERI)- Paris, nhóm nghiên cứu của hai nhà giáo dục người Canada Jean-Marc Denomne và Madeleine Roy đã nghiên cứu và thực nghiệm thành công đường hướng tổ chức dạy học mới trong hoạt động sự phạm với tên gọi là “Sự phạm tương tác”. Các tác giả đã nghiên cứu việc học của con người dựa trên quan điểm sinh học, phân tích kĩ cơ sở thần kinh nhận thức (bộ máy học) của con người dựa trên hệ thần kinh của họ, coi người học như là một bộ máy học mà ở đó chứa đựng các hoạt động của hệ

thần kinh tiếp nhận những thông tin từ môi trường. Yếu tố môi trường được hai tác giả mô tả một cách toàn diện và phong phú (môi trường vật chất, môi trường tinh thần, môi trường bên ngoài và môi trường bên trong) mà trước đây, trong lý luận dạy học, các điều kiện này chưa được quan tâm và đánh giá đúng mức ảnh hưởng của chúng đến việc tổ chức hoạt động sư phạm của GV.

1.1.2. Ở Việt Nam

Các nhà giáo dục học Việt Nam như Nguyễn Ngọc Quang, Đặng Vũ Hoạt, Nguyễn Ngọc Bảo, Hà Thị Đức, Võ Quang Phúc... đã nhìn thấy tính chất nhiều nhân tố của hoạt động dạy học (cấu trúc ba nhân tố: Dạy- Nội dung- Học), xác nhận mối quan hệ qua lại giữa yếu tố Dạy và Học. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế như chưa bao quát hết chức năng và cấu trúc của từng yếu tố, chưa làm rõ cơ chế của sự tác động qua lại giữa các yếu tố- thành phần thuộc cấu trúc hoạt động dạy học và những ảnh hưởng của môi trường tác động lên quá trình đó nên còn gặp khó khăn trong quá trình dạy học nói chung.

Mặc dù đã có những nghiên cứu về sư phạm tương tác, nhưng chúng ta cũng nhận thấy những nghiên cứu về sư phạm tương tác, đặc biệt là dạy học tương tác trong nhà trường tiểu học còn hạn chế. Vì vậy việc nghiên cứu tổ chức dạy học theo quan điểm sư phạm tương tác trong nhà trường tiểu học, đặc biệt là trong bối cảnh đổi mới phương pháp dạy học ở Việt Nam hiện nay là một việc làm có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Luận án ứng dụng những nghiên cứu về quan điểm sư phạm tương tác của các tác giả Jean-Marc Denomme và Madeleine Roy và lấy đó làm căn cứ để tiếp cận nghiên cứu vấn đề tổ chức dạy học theo quan điểm này ở trường tiểu học.

1.2. Nội dung cơ bản của sư phạm tương tác

1.2.1. Các khái niệm của sư phạm tương tác

a. Khái niệm về sư phạm tương tác

Trong phần này, tác giả kế thừa quan điểm của tác giả Jean-Marc Denomme và Madeleine Roy về khái niệm sư phạm tương tác như sau : *Sư phạm tương tác là cách tiếp cận hoạt động dạy học, đặc biệt nhấn mạnh các mối quan hệ qua lại giữa ba nhân tố người học, người dạy và môi trường trong hoạt động sư phạm.*

b. Cấu trúc của sư phạm tương tác

Cấu trúc của sự phạm tương tác là sự thể hiện vai trò, vị trí của *người học*, *người dạy*, *môi trường* và tương tác của ba yếu tố này.

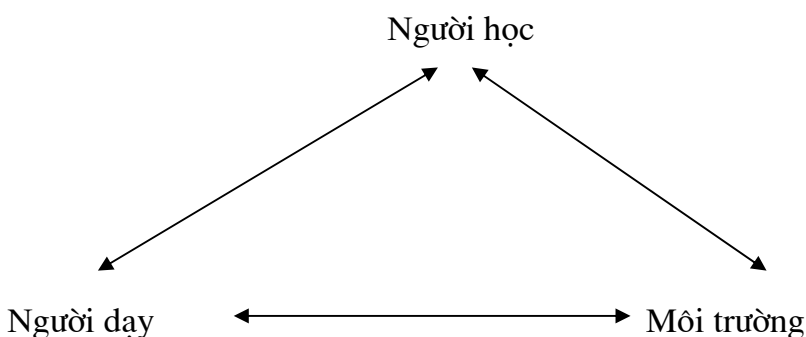
* **Người học** : *ý thức trách nhiệm cùng với sự hứng thú, sự tham gia* là ba hành vi không thể thiếu được để người học học thực sự và để đảm nhiệm vai trò người thợ chính trong việc thực hiện phương pháp học của mình, người học là tác nhân chính của việc học của chính mình và tự giúp mình vượt qua các rào cản để đi tới thành công.

* **Người dạy**: để làm một người hướng dẫn hoàn hảo, *người dạy hoá thân trở thành người lập kế hoạch, kèm cặp, tạo điều kiện cho người học để cùng người học thực hiện kế hoạch học.*

* **Môi trường**: Mỗi người đều có tính cách riêng đặc trưng bởi khí chất, di truyền và sự giáo dục, thêm vào đó là môi trường mà hoạt động sự phạm đang diễn ra. *Tập hợp các yếu tố môi trường đó sẽ ảnh hưởng đến hoạt động học và hoạt động dạy của các chủ thể theo hai chiều hướng thuận lợi hoặc không thuận lợi.* Tuy nhiên người dạy và người học cũng có thể thay đổi được môi trường của họ. Điều này thể hiện sự tác động tương hỗ giữa người dạy, người học với môi trường.

◆ **Các tương tác trong dạy học** : Tương tác được nhấn mạnh đặc biệt trong SPTT là quan hệ hai chiều giữa người dạy- người học- môi trường. Có thể nói *ba tác nhân này luôn quan hệ với nhau sao cho mỗi tác nhân hoạt động và phản ứng dưới ảnh hưởng của hai tác nhân kia, liên tục các tương tác qua lại : người học phản ứng- người dạy điều chỉnh và tiếp tục người học phản ứng lại- người dạy điều chỉnh cho đến khi vấn đề kết thúc.*

Sơ đồ mô hình hoá những tác động của ba yếu tố người dạy, người học, môi trường:



c. Đặc trưng của sự phạm tương tác

- *Sự phạm tương tác đề cao vai trò của người học, vai trò của người dạy, vai trò của môi trường của người học và người dạy.*

Quá trình sự phạm diễn ra trên cơ sở một nền tảng vững chắc dựa trên bản chất tự nhiên của ba yếu tố : người dạy- người học- môi trường. Hệ thống thần kinh giúp con người tư duy được và người học sử dụng một cách thích đáng hệ thần kinh của mình để tiếp nhận kiến thức. Người học học theo cơ chế vận hành của bộ máy học của chính mình. Người dạy thực hiện nhiệm vụ truyền đạt kiến thức cho người học qua việc giúp đỡ người học sử dụng tốt nhất hệ thần kinh của họ nhằm đạt được kiến thức mới.

- *Quá trình sự phạm hướng sự tập trung vào người học.*

Người học học với hệ thần kinh của chính họ, là tác nhân chính của việc học. Người dạy đóng vai trò người hướng dẫn, định hướng hoạt động giảng dạy tùy theo người học, có tính đến hệ thần kinh của người học. Điều này được người dạy cụ thể hoá trong mục tiêu, phương pháp, cách thức đánh giá... trong kế hoạch giảng dạy của mình. Trong sự phạm tương tác, người dạy cần vận dụng sự phạm hứng thú, sự phạm hỗ trợ và sự phạm thành công nhằm giúp người học thành công.

- *Nhấn mạnh tác động tích cực giữa người học, người dạy và môi trường của họ.*

Sự phạm tương tác đưa ra một định hướng sự phạm cơ bản trong đó đánh giá một cách đầy đủ vai trò của người học, người dạy và môi trường xung quanh họ cũng như việc đặc biệt quan tâm tới mối quan hệ qua lại giữa ba nhân tố này. Chính sự tác động qua lại giữa ba tác nhân làm diễn ra hoạt động sự phạm tương tác. Tất cả những tương tác qua lại hai chiều giữa người dạy, người học, môi trường đều nhằm mục đích hỗ trợ và có lợi cho việc học và việc dạy. Có thể nói, một bài giảng không có tương tác thì không phải là sự phạm tương tác. Tuy nhiên, sự tương tác không có nghĩa đơn thuần là đặt ra các câu hỏi, sự tương tác chỉ có khi người học cố gắng vận hành bộ máy học để điều chỉnh quá trình học. Như thế sự tương tác thể hiện bằng hoạt động, phản ứng, điều chỉnh và tái điều chỉnh, nó không chỉ dừng lại ở lời nói mà còn chuyển những gì không bằng lời.

1.2.2. Cơ sở sinh lý học thần kinh của việc học theo quan điểm sự phạm tương tác

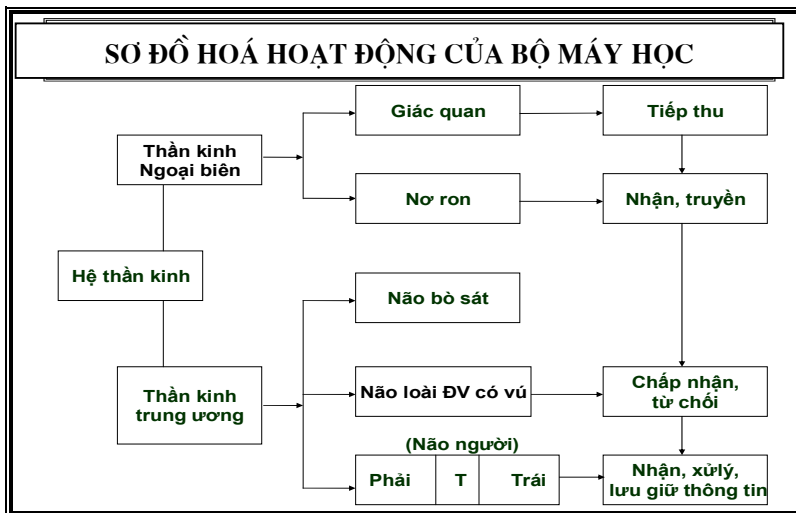
a. Mô tả bộ máy học

Bộ máy học là hệ thần kinh. Nó là cơ sở của việc học ở mỗi con người. Sự phạm tương tác xem xét hệ thần kinh trên quan điểm học mà không theo quan điểm sinh học.

* Cấu trúc của bộ máy học bao gồm

- Các giác quan: Thị giác- Thính giác- Khứu giác- Vị giác- Xúc giác (cơ học, đau, nhiệt độ, tư thế)
- Nơ ron thần kinh
- Não: Não bò sát — Não động vật có vú — Não người

* Quá trình vận hành của hệ thần kinh (bộ máy học)



Thông tin sau khi được đón nhận bởi giác quan sẽ được các nơron dẫn truyền tới hệ thần kinh trung ương. Tại đây thông tin được truyền thẳng đến vùng limbic (rào cản thứ nhất). Khi vượt được rào cản thứ nhất, thông tin được truyền tiếp đến bán cầu não phải- nơi tiếp nhận và chứa đựng những thông tin hỗn hợp (gồm thông tin nhận được từ bên ngoài (cảm giác những kích thích bên ngoài) và thông tin đã được lưu trữ (những trải nghiệm, kinh nghiệm- cái mà người học đã có.) Thông tin từ bán cầu não phải để tới được bán cầu não trái (quá trình chuyển từ cái không đồng nhất sang cái

đồng nhất), chúng phải vượt qua rào cản thứ hai đó là trạng thái “T”. Trạng thái “T” đạt được khi người học tìm được mối quan hệ giữa thông tin nhận được với những gì đã biết. Cuối cùng khi đã vượt qua được trạng thái “T”, thông tin sẽ được bán cầu não trái xử lý (đọc tên hoặc đưa ra kiến thức mới).

Đây là cơ chế hoạt động của bộ máy học ở tất cả những người học bởi mỗi chúng ta đều được tạo hoá ban cho một hệ thần kinh để sống và học tập. Tuy nhiên, não người về mặt sinh học giống nhau nhưng bộ máy học mỗi người khác nhau. Vận dụng linh hoạt để áp dụng vào quá trình dạy học là yếu tố quan trọng giúp người dạy thành công.

b. Vận dụng bộ máy học vào quá trình dạy học

Vận dụng bộ máy học vào trong quá trình dạy học đối với cả người dạy và người học để có cách xử lý phù hợp với hoạt động của hệ thần kinh sẽ đem lại hiệu quả cao trong dạy học. Đây là *điểm độc đáo của hoạt động SPTT*.

*** Các giác quan**

Sử dụng nhiều giác quan, tăng cường độ sử dụng một giác quan, người học có điều kiện tích lũy một lượng lớn những trải nghiệm cảm giác, điều đó tạo thuận lợi cho họ khi học những kiến thức trừu tượng.

*** Vùng limbic**

Não cổ là vùng trung khu của hứng thú. Nó tác động vào bất cứ việc học nào, kích thích người học mong muốn tiếp nhận, từ bỏ hoặc buộc phải chấp nhận kiến thức đó.

*** Bán cầu đại não và chức năng thứ ba**

Quá trình học được hoàn thành trong bộ não, nơi mà bán cầu phải và bán cầu trái thực hiện vai trò vừa riêng biệt lại vừa bổ sung cho nhau.

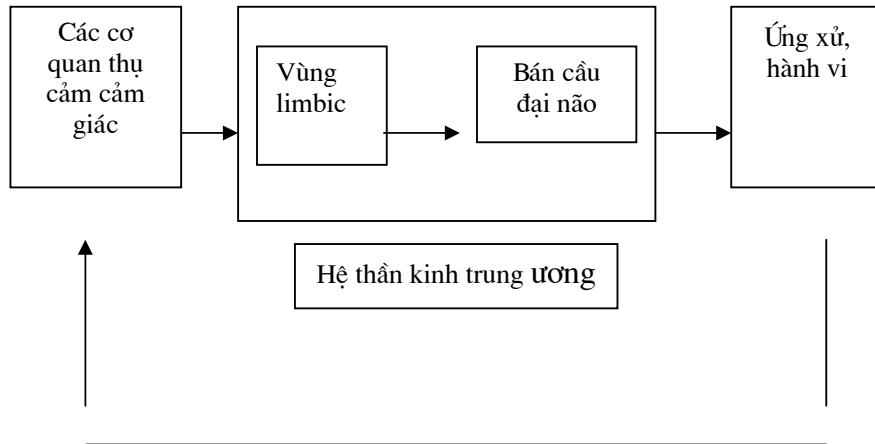
Để người học học với bộ máy của mình, *người dạy là người hướng dẫn người học trong quá trình học của họ bằng cách tôn trọng các chức năng của bộ não ở người học và cũng đi theo con đường học của người học*

Như vậy, *quan điểm về SPTT được xây dựng trên cơ sở khoa học vững chắc của ngành khoa học thần kinh nhận thức và được ứng dụng vào khoa học giáo dục. Đây là*

những lý luận có đầy đủ sức thuyết phục và như là một sự chỉ dẫn cho người học trong hoạt động học cũng như người dạy trong hoạt động dạy cách thức hoạt động hiệu quả bằng cách tuân theo quy luật hoạt động tự nhiên của hệ thần kinh con người.

c. Quy trình hoạt động tiếp nhận kiến thức theo quan điểm sự phạm tương tác

Dựa vào bản chất của việc học theo quan điểm SPTT chúng tôi đưa ra quy trình hoạt động tiếp nhận kiến thức theo quan điểm sự phạm tương tác như sau:



Trước hết, người dạy sử dụng các phương pháp, phương tiện dạy học giúp người học lĩnh hội được nhiều thông tin nhất về đối tượng học tập vì người học bắt đầu việc học bằng các giác quan để cảm giác, tri giác hiện tượng học tập (nhiệm vụ học tập) và mong muốn giải quyết vấn đề học tập được đưa ra.

Sau khi kích thích vào giác quan của người học, những thông tin người học tiếp nhận được sẽ được truyền lên não (hệ thần kinh trung ương). Tại đây người dạy cần giúp học sinh kích thích và “mở” được vùng limbic cho thông tin về nhiệm vụ học tập vượt qua bằng cách tạo ra các tình huống kích thích sự tò mò của HS, tạo nên sự hứng thú, động cơ muốn khám phá, tìm hiểu ở người học.

Tiếp sau đó, thông tin truyền qua bán cầu đại não- nơi xử lý thông tin và HS cần đạt trạng thái “T” để đưa ra kiến thức mới. Đây là bước khó khăn GV cần tương tác với HS để biết HS còn thiếu dữ kiện gì hay thông tin chìa khoá giúp tìm ra câu trả lời cho nhiệm vụ học tập và khơi gợi để HS phát hiện ra thông tin còn thiếu, bổ sung và tự tìm ra tri thức mới.

Sau khi HS tìm ra tri thức mới (khái niệm, công thức, quy tắc...) GV giúp HS khái quát hoá những kiến thức đó, giúp các em sắp xếp kiến thức đã lĩnh hội được vào

trong vốn kiến thức của mình, HS là người vận dụng những kiến thức mới đó vào thực tiễn.

Trong quá trình vận dụng tri thức mới, HS tiếp tục xem xét, đánh giá, điều chỉnh hành động của mình sao cho có hiệu quả nhất và đạt chuẩn mực.

1.3. Đặc điểm tâm lý của học sinh tiểu học và khả năng vận dụng SPTT

Tiểu học là bậc học nền tảng, giáo dục tiểu học là một khâu quan trọng và cơ bản trong toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân. Chính vì vậy, trong bối cảnh hiện nay, dạy học trong nhà trường tiểu học càng đòi hỏi mạnh mẽ sự đổi mới và phát triển bền vững, góp phần thiết thực vào việc thực hiện tốt mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Các nhà tâm lý học và giáo dục học, bằng những công trình của mình, đã khẳng định rằng, hiện nay, trong điều kiện nền kinh tế ngày càng phát triển, sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội, sự bùng nổ thông tin..., khả năng nhận thức của học sinh tiểu học ngày nay phát triển hơn so với học sinh cùng độ tuổi trước đây. Đây là một trong đặc điểm cơ bản của quá trình dạy học hiện đại. Nó có ý nghĩa rất lớn đối với dạy học tiểu học : Dạy học phải dựa vào năng lực nhận thức đã được phát triển và đồng thời lại làm cho nó phát triển cao hơn nữa, như vậy bản thân dạy học lại có tiền đề mới để tiến hành trình độ cao hơn. Do đó việc giảng dạy ở tiểu học nếu được tiến hành phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của HS sẽ thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ về mặt trí tuệ cũng như toàn bộ nhân cách nói chung : HS sẽ hứng thú học tập, sẽ xây dựng được niềm tin và năng lực bản thân.

Quá trình dạy học tiểu học bản thân nó là quá trình được tổ chức đặc biệt theo một chương trình , một kế hoạch nhằm thực hiện tốt mục đích dạy học đề ra. Đó là phải võ trang cho HS tiểu học hệ thống tri thức khoa học chân chính, phản ánh những thành tựu hiện đại của khoa học, kỹ thuật và văn hoá ; phải dần dần giúp cho người học có thói quen suy nghĩ, làm việc một cách khoa học. Thông qua đó dần dần giúp HS hình thành cơ sở thế giới quan khoa học, những phẩm chất và tình cảm cao quý, các chuẩn mực hành vi đạo đức ; tức là hình thành kiểu nhân cách xã hội đòi hỏi. Điều đó đòi hỏi mỗi GV phải không ngừng tìm kiếm những phương pháp giáo dục hiện đại, tiên tiến, những đường hướng sư phạm tích cực, năng động ; những hướng tiếp cận dạy học phát huy tính tích cực chủ động học tập cho HS, phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục tiểu học hiện nay.

SPTT với những đặc trưng đã trình bày ở trên cho thấy đây là một hướng tiếp cận dạy học phát huy tính tích cực của người học vì nó phù hợp với dạy học nói chung và dạy học tiểu học nói riêng.

HS tiểu học ở lứa tuổi còn nhỏ vừa kết thúc lứa tuổi mà hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo, bước sang giai đoạn học tập là hoạt động chủ đạo nên còn ham thích các hoạt động, sự tập trung chú ý còn kém. Trong khi đó, hoạt động học trong SPTT được tổ chức bằng các hoạt động. Người học tự lực vận hành bộ máy học của mình từ việc tri giác đối tượng học tập đến xử lý các thông tin trên bộ não để tìm ra tri thức mới. Trong quá trình đó, người học phải tự mình hoạt động và chỉ bằng hoạt động với đối tượng học tập cụ thể thì người học mới có khả năng nhận thức được nội dung học tập. Do đó, SPTT rất phù hợp với đặc điểm của HS tiểu học và được các em dễ dàng đón nhận.

Người học trong SPTT cũng được rèn luyện phương pháp tự học. Bởi vì trong SPTT người học là tác nhân chính của việc học. Trên cơ sở hiểu rõ cơ chế vận hành của bộ máy học, người học học được cách học và tự học với bộ máy học của mình. Vấn đề này được chúng tôi đánh giá là một khía cạnh rất nhân văn của quan điểm này. HS tiểu học còn non nớt, chưa có sự tự giác học cao như ở người lớn, nhưng hiện nay các em còn đang phải chịu nhiều sức ép từ việc học hành. SPTT giúp cho GV hiểu phải tôn trọng bộ máy học tập của mỗi HS, hiểu thế nào là thời điểm thích hợp để các em tiếp thu bài. Mặt khác giúp các em có được niềm vui trong học tập từ đó tự giác học tập và đến với việc học tập một cách tự nhiên, tự nguyện dần đi đến vui mà học.

SPTT dựa trên sự tương tác qua lại giữa người học, người dạy và môi trường. Ba yếu tố này tác động qua lại và ảnh hưởng lẫn nhau. Chính trong quá trình đó người học tương tác với người dạy, tương tác với môi trường và người học tương tác lẫn nhau. Như thế người học đã phối hợp việc học của cá nhân với hoạt động của tập thể, hình thành ở họ kĩ năng học tập hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ học tập. HS tiểu học chưa được trang bị kĩ năng làm việc tập thể thậm chí còn chưa được trang bị kĩ năng làm việc cá nhân, điều này dẫn đến các em còn kém tự tin khi giải quyết các nhiệm vụ học tập, thường chờ cô giáo chỉ dẫn chi tiết mới dám làm bài. SPTT giúp các em khả năng tương tác với GV, với các bạn và với chính bản thân mình, từ đó tăng thêm khả năng tự tin của các em trong học tập để vượt qua được các nhiệm vụ học tập.

Mặt khác, trong quá trình tương tác của HS và GV, dưới ảnh hưởng của môi trường, người dạy và người học cũng điều chỉnh phương pháp dạy và phương pháp học của mình tạo nên sự thích ứng với nhau đem lại hiệu quả dạy và học tốt hơn. Sự điều chỉnh đó thể hiện người dạy và người học đã thực hiện việc kiểm tra đánh giá lại chính phương pháp, hiệu quả hoạt động của mình. Điều này chứng tỏ SPTT mang lại sự tích cực chủ động cho cả người học và người dạy, kết quả được phản hồi nhanh chóng, người dạy có cơ hội điều chỉnh nhanh chóng phương pháp dạy, người học cũng

có cơ hội điều chỉnh nhanh chóng phương pháp học giúp cho kết quả dạy học được nâng cao.

SPTT có thể áp dụng được trong quá trình dạy học ở các bậc học, cấp học theo cơ chế học tập đã đưa ra ở trên. Tuy nhiên, ở từng cấp học tùy thuộc vào đặc điểm tâm sinh lí và nhận thức của HS mà có sự khác nhau thể hiện mức độ thực hiện ở từng giai đoạn của cơ chế học tập theo quan điểm SPTT. Như chúng ta đã biết, quá trình nhận thức của HS là quá trình trong đó, học sinh với tư cách là chủ thể phản ánh thế giới khách quan vào ý thức của mình, nắm được bản chất các quy luật của nó, vận dụng các quy luật này để làm biến đổi nó. Vì vậy, có thể nói rằng quá trình nhận thức với những bước nhảy vọt từ nhận thức cảm tính sang nhận thức lí tính và từ nhận thức sang thực tiễn, chỉ có thể đạt hiệu quả được nếu như HS phát huy được tính tự giác, tích cực, độc lập trong hoạt động nhận thức. Hơn nữa, quá trình nhận thức đó được hoàn thành còn nhờ sự tác động qua lại giữa thầy và trò, giữa dạy và học. Tính tự giác nhận thức thể hiện ở chỗ : ý thức được đủ mục đích, nhiệm vụ học tập ; có ý thức trong việc lĩnh hội tri thức, rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo, có ý thức trong việc lưu trữ, gìn giữ thông tin đã tiếp nhận được ; có ý thức trong việc vận dụng những điều đã học, và cuối cùng là có ý thức tự kiểm tra, tự đánh giá toàn bộ quá trình học tập của bản thân. Tính tích cực nhận thức : Theo một số tác giả dưới góc độ triết học quan niệm rằng, tính tích cực nhận thức thể hiện thái độ cải tạo của chủ thể nhận thức đối với đối tượng nhận thức. Nghĩa là, tài liệu học tập được phản ánh vào não học sinh và được chế biến đi, được hoà vào vốn kinh nghiệm đã có của chúng và được vận dụng linh hoạt và sáng tạo, vào các tình huống khác nhau nhằm cải thiện hiện thực và cải tạo bản thân.

Dưới góc độ tâm lý học, các tác giả khác nhau cho rằng HS nói chung và HS tiểu học nói riêng tồn tại với tư cách là một cá nhân trong hoạt động nhân cách của nó. Vì vậy, hoạt động nhận thức được tiến hành trên cơ sở huy động các chức năng nhận thức, tình cảm và ý chí ; trong đó, chức năng nhận thức đóng vai trò chủ yếu, còn các chức năng khác đóng vai trò hỗ trợ. Các yếu tố này có mối quan hệ qua lại hữu cơ với nhau tác động và thúc đẩy nhau tạo nên cái gọi là *mô hình tâm lý hoạt động nhận thức*.

Mô hình này có đặc điểm là luôn biến đổi tạo nên rất nhiều dạng khác nhau tùy theo các tình huống cụ thể mà HS phải thực hiện. Sự biến đổi này càng mềm dẻo bao nhiêu, càng linh hoạt bao nhiêu thì HS càng dễ thích ứng với các nhiệm vụ nhận thức khác nhau bấy nhiêu. Chính sự biến đổi liên tục bên trong của mô hình tâm lý các hoạt động nhận thức đặc trưng cho tính tích cực nhận thức của người học. Sự biến đổi đó càng linh hoạt, càng năng động bao nhiêu thì càng thể hiện tính tích cực nhận thức

bấy nhiêu. Sự biến đổi liên tục này được thể hiện ra bên ngoài bằng hiệu quả công việc. Theo chúng tôi, kết quả học tập của HS là thước đo tính tích cực của các HS đó.

Tính độc lập nhận thức của HS tiểu học được đặc trưng ở chỗ, các em tự phát triển ra các vấn đề và tự bản thân giải quyết vấn đề. Ở đây, chúng ta muốn đề cập đến năng lực tổ chức, tự điều khiển hoạt động nhận thức của HS nhằm biến kinh nghiệm của loài người thành vốn kinh nghiệm của bản thân, cũng như biết vận dụng vào thực tiễn theo mục đích đã đề ra.

Ba phẩm chất tâm lý cần thiết nói trên có liên quan mật thiết với nhau. Tính tự giác là cơ sở, là nền tảng để hình thành tính tích cực; tính tích cực trong quá trình được lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ hình thành tính độc lập. Như vậy tính độc lập đã chứa đựng trong nó tính tự giác và tính tích cực. Các phẩm chất này của HS được hình thành và phát triển dưới vai trò chủ đạo của GV.

Một số ít tác giả quan niệm rằng, những phẩm chất tâm lý đáng quý này chưa có ở HS tiểu học. Song thực tế đã chứng minh, phần lớn nhân cách con người khi trưởng thành bắt đầu được hình thành ngay từ lứa tuổi tiểu học. Tuy nhiên ba phẩm chất này ở HS tiểu học hình thành chưa rõ nét, thiếu tính ổn định nên vai trò chủ đạo tổ chức, hướng dẫn và điều khiển của người GV tiểu học là vô cùng cần thiết. Tính cách này không phải tự nhiên mà có mà nó được hình thành thông qua các hoạt động nhận thức. Người GV phải tạo ra các tình huống sự phạm khác nhau, các hoàn cảnh có vấn đề để kích thích sự hứng thú học tập cho HS để từ đó các phẩm chất này được hình thành. Chính trong quá trình đó, dạy học theo quan điểm SPTT đã góp phần không nhỏ đến sự hình thành này.

Có thể nói, căn cứ vào những ưu điểm của việc dạy học theo quan điểm SPTT, căn cứ vào đặc điểm nhận thức của HS tiểu học, chúng ta thấy rằng việc áp dụng quan điểm SPTT vào dạy học tiểu học, dựa trên những tiêu chí phù hợp với *đặc điểm tâm lý nhận thức lứa tuổi HS tiểu học* là việc làm phù hợp và đúng đắn trong giai đoạn hiện nay.

1.4. Thực trạng các quan hệ tương tác trong dạy học tiểu học hiện nay từ góc nhìn của SPTT

1.4.1. Mục đích, đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu :

Chúng tôi đã tiến hành điều tra trên 1069 cán bộ và GV tiểu học tại các tỉnh: Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Ninh Bình; Thanh Hoá, Nghệ An; Trà Vinh và Cần Thơ. Nội dung điều tra gồm các vấn đề như sau: *Nhận thức của GV về quan điểm SPTT* (bao gồm nhận thức của GV về SPTT, nhận thức của GV về tầm quan trọng của các mối quan hệ giữa các yếu tố trong quá trình dạy học) và *việc vận dụng quan điểm SPTT vào việc dạy học ở tiểu học hiện nay như thế nào* (bao gồm mức độ kết

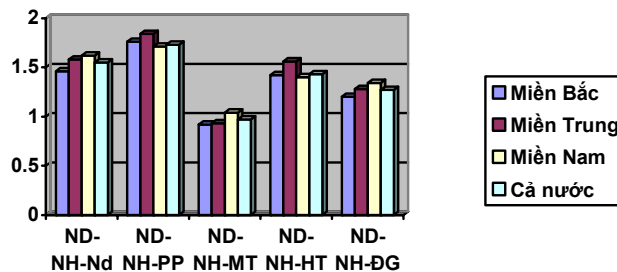
hợp công tác giáo dục của GV và các lực lượng khác, những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của HS, những thuận lợi và khó khăn khi sử dụng SPTT trong giờ lên lớp ở tiểu học, khả năng và nhu cầu học tập của HS, những phương pháp GV thường sử dụng để gây hứng thú cho HS trong giờ học, những phương tiện được sử dụng để hỗ trợ cho bài giảng, mức độ tìm hiểu các mặt tâm lý HS trong các hoạt động sư phạm của GV tiểu học.) Phương pháp điều tra: sử dụng anket, quan sát, đàm thoại, phỏng vấn.

1.4.2. Kết quả điều tra:

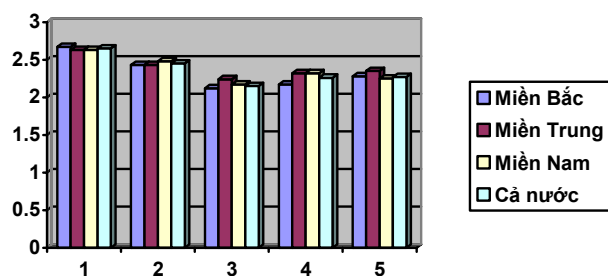
Kết quả điều tra thực trạng được chúng tôi phân tích thông qua hệ thống 10 bảng biểu. Dưới đây là một số thông tin cơ bản nhất.

Bảng 1.1: Khảo sát mức độ nhận thức về SPTT ở GV tiểu học

TT	Mức độ nhận thức	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Cả nước	
		Số phiếu	Tỉ lệ %	Số phiếu	Tỉ lệ %	Số phiếu	Tỉ lệ %	Số phiếu	Tỉ lệ %
1	Không đúng	45	9,6	21	16,8	55	11,9	121	11,4
2	Đúng, chưa đủ	164	34,3	64	51,2	218	46,6	446	41,7
3	Đúng, đủ	268	56,1	40	32	194	41,5	502	46,9

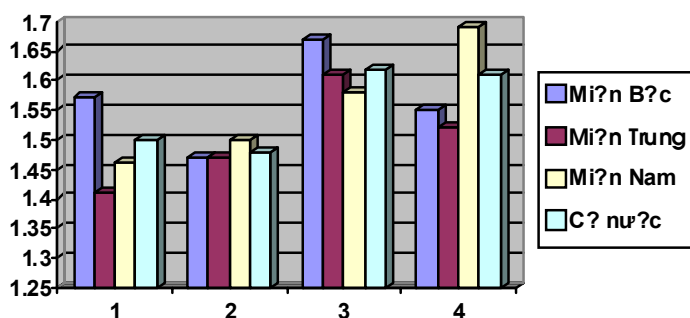


Hình 1.2 : Nhận thức của GV tiểu học về tầm quan trọng của các MQH giữa các yếu tố trong quá trình dạy học



1. Hs phát huy được tính tích cực, có nhiều cơ hội cho Hs bộc lộ khả năng bản thân
2. Kích thích hứng thú học tập và tinh thần trách nhiệm của Hs
3. Hs ghi nhớ và vận dụng được tài liệu
4. Tạo điều kiện cho Hs giúp đỡ nhau trong học tập
5. Hs tự tin trình bày các vấn đề trước đám đông

Hình 1.5: Thực trạng thuận lợi khi sử dụng SPTT trong giờ lên lớp của GV Tiểu học



1. GV khó kiểm soát trong quá trình dạy học
2. HS gặp khó khăn trong quá trình hoạt động học tập
3. Năng lực SP của GV còn hạn chế để giải quyết những tình huống xảy ra trong quá trình dạy học
4. Khó khăn trong việc thiết lập mối quan hệ gia đình- nhà trường-xã hội

Hình 1.6: Thực trạng khó khăn khi sử dụng SPTT trong giờ lên lớp của GV Tiểu học

1.4.3. Các nhận xét:

Sau khi điều tra, phân tích và xử lý số liệu thu được, chúng tôi bước đầu có một số các kết luận sau:

1/ GV tiểu học hiện nay đã có những hiểu biết ban đầu về quan điểm SPTT cũng như có ý thức sử dụng những phương tiện dạy học để tạo nên một lớp học

“tương tác”, một mối quan hệ “tương tác” nhằm phát huy tính tích cực chủ động học tập của HS song đây vẫn chỉ là những nhận thức mang tính chất cảm tính.

2/ GV tiểu học đặc biệt là ở những vùng gặp khó khăn vẫn tồn tại một bộ phận không nhỏ chưa thực sự có những hiểu biết sâu sắc, thấu đáo và đầy đủ về bản chất của dạy học tương tác, tầm quan trọng của các mối quan hệ trong quá trình dạy học đặc biệt là dạy học theo quan điểm SPTT, do đó, việc sử dụng quan điểm SPTT trong dạy học tiểu học sẽ còn gặp nhiều hạn chế.

3/ Mức độ kết hợp công tác giáo dục của GV tiểu học với các lực lượng khác nhau trong xã hội vẫn còn nhiều hạn chế. Vẫn còn những lực lượng mà GV cho rằng không cần kết hợp hay không thể kết hợp, chẳng hạn như các cơ sở kinh tế. Điều này cho thấy khả năng xã hội hoá giáo dục của chúng ta còn hạn chế, giáo dục có những nơi chưa được quan tâm đúng mức, GV còn bó hẹp trong phạm vi lớp mình, trường mình thậm chí có nơi mối quan hệ với Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT vẫn còn lỏng lẻo. Điều này cũng cho thấy GV đánh giá chưa cao và chưa đầy đủ yếu tố môi trường trong mối quan hệ giữa các yếu tố *Người dạy- Người học- Môi trường*. Để cải thiện được vấn đề này không chỉ nằm ở phía GV mà cần có sự ủng hộ của các lực lượng khác trong xã hội.

4/ GV tiểu học hiện nay chưa thực sự hiểu rõ những khó khăn và thuận lợi khi họ sử dụng SPTT trong giờ lên lớp ở tiểu học. Những nhận định của họ đôi khi còn mang tính chất cảm tính, mơ hồ, điều này cho thấy việc vận dụng quan điểm SPTT là chưa phổ biến và thường xuyên. Chính vì vậy họ đánh giá chưa chính xác và chưa có ý thức tìm hiểu về khả năng và nhu cầu học tập của HS mình cũng như ý thức về các biện pháp để gây hứng thú cho HS trong giờ học, sử dụng những phương tiện dạy học để hỗ trợ cho bài giảng cũng như tìm hiểu các mặt tâm lý của HS trong các hoạt động sư phạm của mình.

5/ Khái niệm “ dạy học theo quan điểm SPTT ” còn rất mới mẻ đối với GV tiểu học. Cần có sự bồi dưỡng cả về lí luận cũng như kĩ năng cho GV nếu muốn áp dụng quan điểm này trong dạy học. Trên thực tế, GV tiểu học hiện nay cũng đã ít nhiều sử dụng một số hoạt động sư phạm mang tính tương tác song mới chỉ tập trung ở một số hoạt động quen thuộc, dễ vận dụng, mặt khác điều kiện kinh tế, cơ sở vật chất của mỗi vùng miền khác nhau dẫn đến việc áp dụng còn nhiều hạn chế. Chính vì vậy, bồi dưỡng cho GV một cơ sở lý luận vững chắc về vấn đề này cũng như các biện pháp thực hiện mang tính thực tế cao mới giúp họ vượt qua trở ngại và dần dần mới tiếp cận được quan điểm này.

Chương 2

BIỆN PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO QUAN ĐIỂM SỰ PHẠM TƯƠNG TÁC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC

2.1. Nguyên tắc xác định các biện pháp tổ chức hoạt động dạy học tăng cường tính tương tác ở tiểu học.

2.1.1. Đảm bảo tính dân chủ và nhân văn trong dạy học.

- Tôn trọng và kiên trì với người học, cho người học có đủ thời gian để bán câu phải hoàn thành công việc của mình- thu thập đủ thông tin, các ví dụ cụ thể, khám phá những luồng suy nghĩ mới, chất vấn gợi ý, liên tưởng hình ảnh.

- Các hoạt động dạy học luôn tôn trọng, chú ý tới từng khả năng tiếp nhận của học sinh. Nhiều bài tập có các đáp án mở tôn trọng ý kiến của các em. Động viên học sinh huy động vốn sống, vốn hiểu biết từ nhiều nguồn để hoàn thành được nhiệm vụ học tập.

2.1.2. Đảm bảo tính vừa sức chung và tính vừa sức riêng trong dạy học.

- Có tính khả thi, dễ áp dụng và triển khai rộng rãi ở cấp tiểu học. Các bài tập, các hoạt động trong các nhóm biện pháp có tính khả thi, dễ áp dụng và triển khai rộng rãi ở các nội dung học tập ở tiểu học.

- Các hoạt động học tập phải hấp dẫn, phù hợp với đặc điểm tâm lý của HS tiểu học. Hệ thống các bài tập, các hoạt động luôn luôn có sự thay đổi các loại hình hoạt động, không gây nhàm chán cho các em, huy động được nhiều các giác quan tham gia.

2.1.3. Đề cao vai trò tự giác, tích cực độc lập của người học.

- Giúp HS tích cực, tự giác học tập bằng cách phải biết làm thế nào để biến mục tiêu của môn học thành động lực của cá nhân. Những bài tập, hoạt động đưa ra phải trên tinh thần từ những nhu cầu hiểu biết của các em sao cho khi đưa ra một bài tập, một hoạt động là HS phải hào hứng với nhiệm vụ đó, tham gia nhiệt tình, tích cực, hứng thú và tự giác.

2.1.4. Xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện.

- Tạo được bầu không khí vui vẻ, cởi mở, thân thiện để gây hứng thú, chế biến nội dung cho phù hợp với đối tượng trên cơ sở khai thác kinh nghiệm cũ của người học, lựa chọn phương tiện và phương pháp phù hợp với đối tượng và nội dung dạy

học, có thể thay đổi hình thức, linh hoạt trong tổ chức giờ học khi điều kiện môi trường dạy học thay đổi.

- Tạo hứng thú và lợi ích cho người học bằng cách khai thác và điều chỉnh điều kiện tự nhiên, địa lý... ở nơi mà lớp học diễn ra để có thể đưa vào nội dung hoặc hình thức dạy học phù hợp, khai thác và điều chỉnh môi trường riêng của người học, kích lệ tạo động cơ theo phương pháp *thành công nuôi những thành công*.

2.2. Các nhóm biện pháp tổ chức dạy học theo quan điểm sự phạm tương tác ở trường tiểu học

2.2.1. Nhóm biện pháp tăng cường môi trường thông tin.

2.2.1.1. Mở rộng môi trường thông tin từ chủ thể là người dạy.

Biện pháp này nhằm cung cấp, trang bị thêm cho HS những kiến thức mở rộng ngoài SGK từ phía người dạy một cách chủ động nhằm làm phong phú thêm kiến thức cho người học, giúp HS mở mang hiểu biết và tiếp nhận một cách tự nhiên, hứng thú.

2.2.1.2. Mở rộng môi trường tìm kiếm thông tin của người học

Biện pháp này nhằm mục đích tìm hiểu xem HS có nhu cầu học tập, hiểu biết những gì, có nhu cầu được trợ giúp những gì, ai trợ giúp và trợ giúp bằng cách nào để có thể thu được kết quả học tập tốt. Biện pháp này cũng nhằm hướng dẫn HS cách tìm kiếm thông tin cần thiết để phục vụ cho nội dung học tập sắp tới.

2.2.1.3. Xây dựng trạm trung chuyển học tập- siêu thị thông tin

Biện pháp này nhằm xây dựng được một “nhà ga học tập” hoặc một “siêu thị thông tin” do chính các em HS tự thiết kế thông qua các hoạt động sưu tầm, tìm kiếm những tài liệu học tập liên quan đến nội dung môn học nhằm giúp cho các em có điều kiện và cơ hội nắm bắt và tìm hiểu sâu hơn vấn đề đặt ra trong bài học; giúp các em tháo gỡ khó khăn trong quá trình lĩnh hội tri thức mới, hình thành kĩ năng kĩ xảo.

◆ *Mối tương quan giữa các biện pháp trong nhóm:*

Cả ba biện pháp trong nhóm biện pháp *Mở rộng môi trường thông tin* đều nhằm mục đích cung cấp được những thông tin quan trọng, cần thiết phục vụ cho nội dung bài học mà SGK chưa đáp ứng được. Mỗi biện pháp có những yêu cầu mục đích riêng nhưng cả ba biện pháp lại có mối liên kết với nhau, hỗ trợ, bổ sung cho nhau. Biện pháp thứ nhất hỗ trợ thông tin cho người học từ nguồn thông tin từ người dạy. Biện pháp thứ hai hỗ trợ thông tin cho người học từ chính bản thân người học với sự giúp đỡ của các phương tiện kĩ thuật khác. Biện pháp thứ ba hỗ trợ thông tin cho người học từ chính sự hợp tác trong nhóm người học với nhau. Như vậy, cả ba biện pháp đã cung

cấp thông tin một cách đầy đủ đa dạng và tạo nên sự tương tác giữa Người học- Người dạy và Môi trường.

Như vậy, có thể nói hoạt động SPTT nhằm tăng cường lượng thông tin phong phú và cập nhật cho cả người dạy và người học. Những thông tin này nhằm giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả của giờ lên lớp. Do đó, môi trường được hiểu theo nghĩa rộng, trong đó có môi trường thông tin mà người dạy và người học đều cần và phải có sự tương tác.

2.2.2. Nhóm biện pháp mở rộng môi trường giao tiếp hợp tác

2.2.2.1. Tổ chức chơi trò chơi học tập tăng cường tính tương tác.

Biện pháp tổ chức chơi trò chơi học tập tăng cường tính tương tác nhằm thiết kế và tổ chức cho HS chơi các trò chơi học tập tăng cường tính tương tác góp phần nâng cao hiểu biết cho các em, tạo hứng thú cho HS học tập.

2.2.2.2. Thực hiện các bài tập hợp tác nhóm

Thông qua sự hợp tác của mỗi thành viên trong nhóm, các cá nhân và mỗi nhóm thực hiện một số bài tập hợp tác nhóm nhằm rèn luyện các kĩ năng học tập, củng cố và ôn luyện một số kiến thức của các môn học ở tiểu học.

2.2.2.3. Lồng ghép “hoạt động dự án” vào quá trình dạy học

Thông qua hoạt động dự án, HS biết chủ động tích cực học tập, biết tự tìm kiếm kiến thức, thu thập thông tin, chia sẻ với các bạn và kiểm tra đánh giá thông tin nhằm áp dụng vào việc tìm hiểu và vận dụng vào bài học, môn học.

2.2.2.4. Chú trọng hoạt động tự phát hiện của người học

Biện pháp nhằm khuyến khích sự tò mò, hiểu biết và nhu cầu cần được giải đáp, cần có câu trả lời và cách thức, con đường tìm ra câu trả lời đúng.

2.2.2.5. Thân thiện hoá môi trường học tập

Biện pháp này nhằm giúp HS tự tin, chủ động nêu những vấn đề còn thắc mắc, nêu câu hỏi với thầy cô, bố mẹ, bạn bè và những phương tiện thông tin khác theo hình thức Kết nối- Chúng em hỏi, thầy cô giải đáp.

◆ Mối tương quan giữa các biện pháp trong nhóm:

Cả 5 biện pháp trong nhóm biện pháp mở rộng môi trường giao tiếp hợp tác đều nhằm một mục đích chung là giúp HS mở rộng môi trường giao tiếp hợp tác. Chính từ việc biết hợp tác với nhiều người, nhiều mặt này mà HS có cơ hội để tạo thành những nhóm làm việc giải quyết những nhiệm vụ học tập đặt ra. Tuy nhiên, mỗi một biện pháp lại có chức năng riêng biệt hỗ trợ cho người học những kĩ năng khác nhau.

Mỗi biện pháp đều có những ưu điểm riêng và hỗ trợ cho người học về các mặt hợp tác để tạo nên sự tương tác toàn diện giữa người học — người dạy — nội dung — phương pháp và môi trường học tập.

2.2.3. Nhóm biện pháp kích thích sự sáng tạo cho người học.

2.2.3.1. Hoạt động động não

Biện pháp này nhằm khuyến khích HS đưa ra được càng nhiều ý tưởng càng tốt, khuyến khích các em mạnh dạn tự tin nói ra ý tưởng của mình từ đó hướng sự chú ý của các em vào bài học.

2.2.3.2. Kích hoạt ước mơ và trí tưởng tượng

Biện pháp nhằm đề ra một số hoạt động, bài tập mang tính sáng tạo, phát huy trí tưởng tượng cho HS tiểu học với ý nghĩa hình thành năng lực tưởng tượng và vun đắp những ước mơ cao đẹp cho các em.

2.2.3.3. Thực hiện bài tập mang tính sáng tạo

Tuỳ vào khả năng nhận thức của mỗi HS, GV ra một số bài tập sáng tạo dành cho đối tượng HS khá giỏi nhằm rèn luyện các kĩ năng học tập, củng cố và ôn luyện một số kiến thức, phát huy sức sáng tạo của HS ở một số môn học ở tiểu học.

◆ *Mối tương quan giữa các biện pháp trong nhóm:*

Cả ba biện pháp trong nhóm biện pháp kích thích sự sáng tạo cho người học đều nhằm mục đích phát triển năng lực tư duy tưởng tượng và sáng tạo cho HS tiểu học. Đây là trong những hoạt động có ý nghĩa thiết yếu trong dạy học hiện đại, tạo cho HS cơ hội và điều kiện phát triển kĩ năng tư duy sáng tạo và óc tưởng tượng phong phú. Đây là một kĩ năng quan trọng và cần thiết cho quá trình học tập tiếp thu tri thức của HS, biến việc học tập từ chỗ mang tính chất bắt buộc trở thành một nhu cầu động cơ hiểu biết của các em.

2.3. Mối quan hệ giữa các nhóm biện pháp và quy trình chung thực hiện trong dạy học

2.3.1. Mối quan hệ giữa các nhóm biện pháp:

Đề xuất các nhóm biện pháp theo quan điểm SPTT giúp cho những người làm công tác giáo dục trong các loại hình trường, trong đó có trường tiểu học có một cách nhìn tổng quan, mang tầm chiến lược trong quá trình thực hiện hoạt động dạy học. Nhóm các biện pháp này nhằm biểu đạt rõ sự tương tác giữa người dạy- người học- môi trường. Các biện pháp thực hiện có mối quan hệ biện chứng với nhau, tương tác lẫn nhau trong điều kiện môi trường sư phạm

nhất định nhằm thực hiện các nhiệm vụ dạy học, đáp ứng được nhu cầu và đòi hỏi của xã hội hiện hành.

Các nhóm biện pháp có những mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trước hết các nhóm biện pháp đều quan tâm đến một mục đích là nhằm tạo ra một môi trường học tập cho người học. Trong môi trường ấy, GV đóng vai trò là người dẫn dắt, đưa ra các thông tin, các chỉ dẫn, lời gợi nhắc, sự khuyến khích phù hợp với trình độ phát triển của các em. Các chỉ dẫn này được coi là các khung, các mẫu, các chiến lược làm điểm tựa cho HS. Sau đó tăng dần mức độ tự hành động của họ. Tiếp theo, cả ba nhóm biện pháp đều quan tâm đến việc mở rộng môi trường bên trong cũng như bên ngoài, môi trường tinh thần cũng như môi trường vật chất của người học và coi đó như là phương tiện, công cụ để kích thích hứng thú học tập, đặc biệt cách thức gia tăng sự tương tác, hợp tác giữa *Đạy- Học- Môi trường* để dạy học đạt hiệu quả cao.

Cả ba nhóm biện pháp sắp xếp theo thứ tự nâng dần để phù hợp với quy luật tự nhiên và quy luật phát triển của trẻ cũng như của quá trình dạy học. Trong khi thực hiện các nhóm biện pháp, mỗi biện pháp lại mang đến cho các em những mặt khác nhau của quá trình nhận thức, tìm hiểu các em ở nhiều góc độ, và cuối cùng là làm rõ chân dung học tập của từng cá nhân học sinh.

2.3.2. Quy trình chung thực hiện trong dạy học

Bước 1: GV tìm hiểu kĩ về chương trình, nội dung kiến thức trong SGK, tài liệu tham khảo, các nguồn thông tin về nội dung bài học, một khối lượng kiến thức mới chuẩn bị truyền tải đến cho HS.

Bước 2: GV thăm dò ý kiến HS, lắng nghe những nhu cầu về hiểu biết và cách thức truyền đạt của GV với HS, tìm hiểu các yếu tố môi trường bên trong và bên ngoài của các em, từ đó hình thành những dự kiến, những phương pháp phù hợp với các em.

Bước 3: Trên cơ sở kết quả của bước 1 và bước 2, GV đề xuất những hoạt động tổ chức dạy học tương ứng cả về nội dung và phương pháp hình thức tổ chức sao cho hấp dẫn và thu hút các em.

Bước 4: GV tổ chức việc thực hiện các hoạt động đã đề ra cho HS theo nguyên tắc xác định chung cho các biện pháp.

Bước 5: Sau khi đã thực hiện được một giai đoạn, GV lắng nghe ý kiến phản hồi và việc thực hiện của các em, quan sát các ảnh hưởng của yếu tố môi trường đối với các em để từ đó có những điều chỉnh thích hợp.

Bước 6: Động viên, khuyến khích các em tiếp tục thực hiện, khen ngợi các em đã có kết quả bước đầu và tiếp tục hoàn thiện các hoạt động đã đề ra.

Chương 3

TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO QUAN ĐIỂM SỰ PHẠM TƯƠNG TÁC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC

3.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm được tiến hành nhằm mục đích kiểm tra lại tính đúng đắn của cơ sở lí luận, đánh giá tính thuyết phục cũng như tính khả thi của việc áp dụng các biện pháp tổ chức dạy học theo quan điểm SPTT trong dạy học các môn học ở tiểu học đã đề xuất trong luận án, đồng thời đánh giá hiệu quả mà các nhóm biện pháp mang lại.

3.2. Đối tượng, phạm vi, quy trình và phương pháp thực nghiệm

Đối tượng thực nghiệm là học sinh lớp 4, 5 các trường tiểu học Thăng Long (quận Hoàn Kiếm- Hà Nội), tiểu học Thịnh Liệt (quận Hoàng Mai- Hà Nội), tiểu học Thanh Bình (phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình) được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về lực học, về số lượng HS, trình độ nghiệp vụ và thâm niên công tác của GV.

Thực nghiệm được tiến hành theo 3 giai đoạn:

- a. Giai đoạn 1: Thực nghiệm thăm dò: Môn Tiếng Việt lớp 4- 5, Môn Lịch sử và Địa lí lớp 4-5 (Năm học 2006-2007)
- b. Giai đoạn 2: Thực nghiệm tác động: Môn Tiếng Việt lớp 4 (phân môn Tập làm văn) (Năm học 2007- 2008)
- c. Giai đoạn 3: Thực nghiệm ứng dụng: Môn Tiếng Việt lớp 5 (phân môn Tập làm văn), Môn Lịch sử và Địa lí lớp 4 (phân môn Địa lí) (Năm học 2008- 2009)

Phương pháp thực nghiệm:

Thực nghiệm thăm dò được tiến hành qua việc dự giờ các tiết học của một số môn học ở tiểu học nhằm mục đích thăm dò sự tồn tại của việc tổ chức dạy học theo quan điểm SPTT trong thực tế dạy học các môn học ở cấp tiểu học hiện nay, đồng thời định hướng, tạo cơ sở cho chúng tôi tiến hành các bước thực nghiệm tiếp theo của luận án.

Thực nghiệm tác động được thực hiện trên một số bài dạy môn Tiếng Việt lớp 4 (phân môn Tập làm văn) kiểu bài Tả cây cối và Tả con vật. Thực nghiệm tác động có lớp thực nghiệm và lớp đối chứng. Cuối đợt thực nghiệm hai lớp sẽ làm cùng một bài

kiểm tra trong cùng một điều kiện. Sự so sánh kết quả bài làm của hai đối tượng sẽ cho những nhận xét về tính khả thi của việc áp dụng các biện pháp tổ chức dạy học theo điểm SPTT trong nhà trường tiểu học.

Thực nghiệm ứng dụng được xây dựng dựa trên các kết luận thu được qua thực nghiệm tác động, được tiến hành trên quy mô lớn hơn, phạm vi môn học nhiều hơn. Ngoài việc thiết kế các hoạt động dạy học theo nhóm biện pháp tăng cường tính tương tác đã đề xuất, thực nghiệm ứng dụng còn thể hiện sự vận dụng linh hoạt cũng như mối quan hệ khi triển khai dạy học theo hướng vận dụng quan điểm SPTT trong dạy học tiểu học.

3.3. Nội dung thực nghiệm

a. Phân môn Tập làm văn lớp 4:

Nội dung dạy học: kiểu bài *Tả cây cối* và *Tả con vật*.

b. Phân môn Địa lí lớp 4:

Nội dung thực nghiệm gồm một số bài trong phần *Thiên nhiên và hoạt động của con người ở miền đồng bằng* (đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng duyên hải miền Trung, đồng bằng Nam Bộ)

d. Phân môn Tập làm văn lớp 5:

Nội dung thực nghiệm của chúng tôi bao gồm các tiết trong kiểu bài *Tả cảnh*.

3.4. Kết quả thực nghiệm

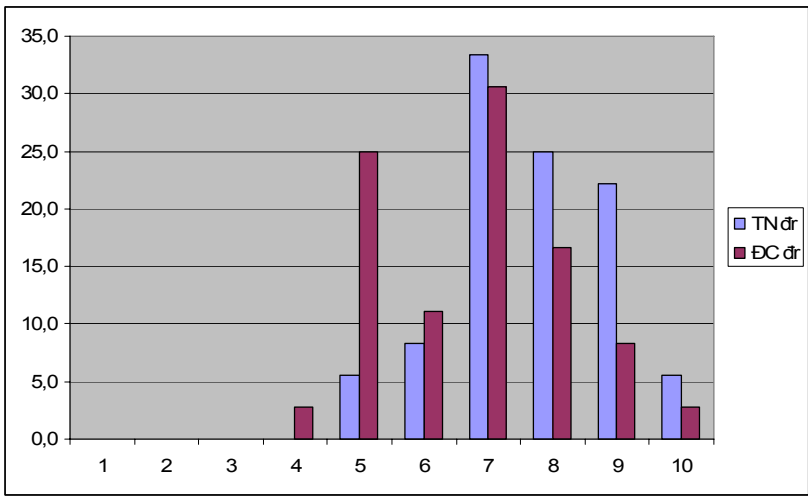
Thực nghiệm được phân tích trên hai khía cạnh định lượng và định tính. Kết quả định lượng được xử lý theo xác suất thống kê. Kết quả định tính được phân tích dựa trên việc nắm chắc kiến thức và lựa chọn giải pháp phù hợp cho các bài tập, các câu hỏi trong đề kiểm tra; qua cách chọn đề tài, qua việc cách dùng từ đặt câu, chọn ý và cách diễn đạt sinh động, gợi tả, gợi cảm và những hình ảnh sáng tạo.

Số liệu xử lý định lượng được biểu diễn trong các biểu đồ hình 3.1; 3.2; 3.3; 3.4; 3.5; 3.6; 3.7; 3.8; 3.9 a; 3.9 b; 3.10; 3.11; 3.12; 3.13; 3.14 a; 3.14 b.

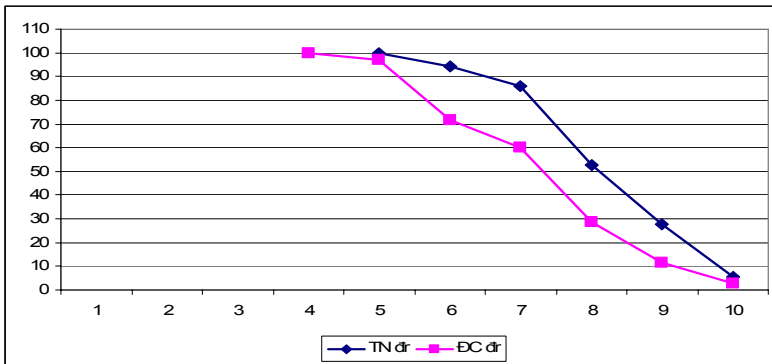
3.4.1. Kết quả thực nghiệm tác động

Kết quả phân tích số liệu của bài kiểm tra đầu ra của hai lớp TN và ĐC được thể hiện trong các biểu đồ 3.1; 3.2; 3.3; 3.4.

Hình 3.3. Biểu đồ biểu diễn đường tần suất của hai lớp TN và ĐC đầu ra



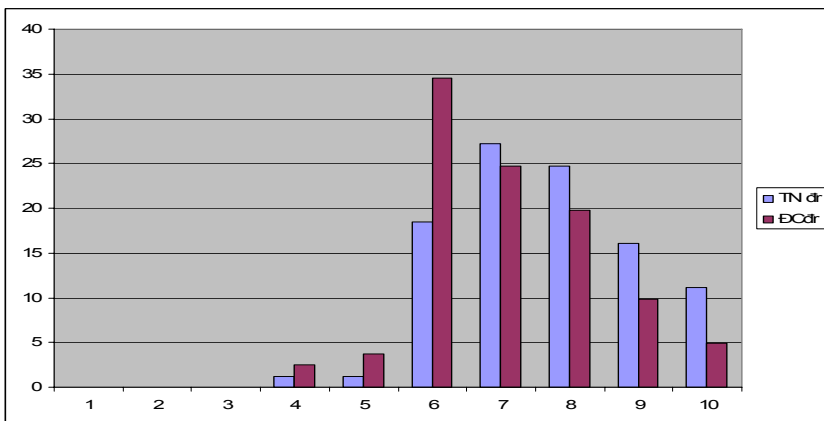
Hình 3.4. Đường biểu diễn tần suất hội tụ tiến của hai lớp TN và ĐC.



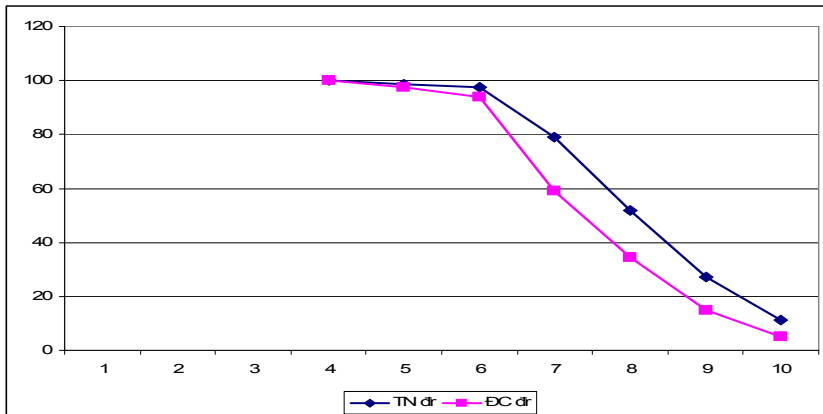
3.4.2. Kết quả thực nghiệm ứng dụng

Kết quả thực nghiệm ứng dụng được chúng tôi biểu diễn trong hệ thống biểu đồ từ 3.5; 3.6; 3.7; 3.8; 3.9 a; 3.9 b; 3.10; 3.11; 3.12; 3.13; 3.14 a; 3.14 b.

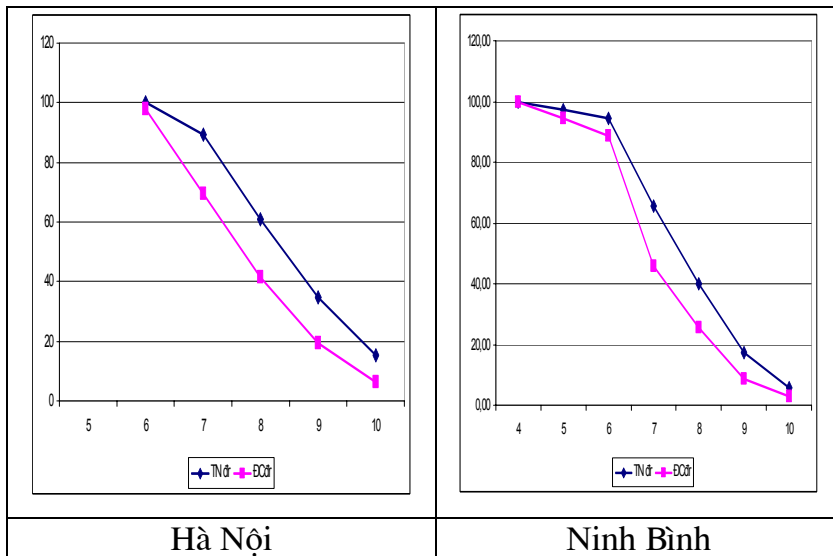
Hình 3.7: Biểu đồ biểu diễn đường tần suất của hai lớp TN và ĐC đầu ra phân môn TLV 5



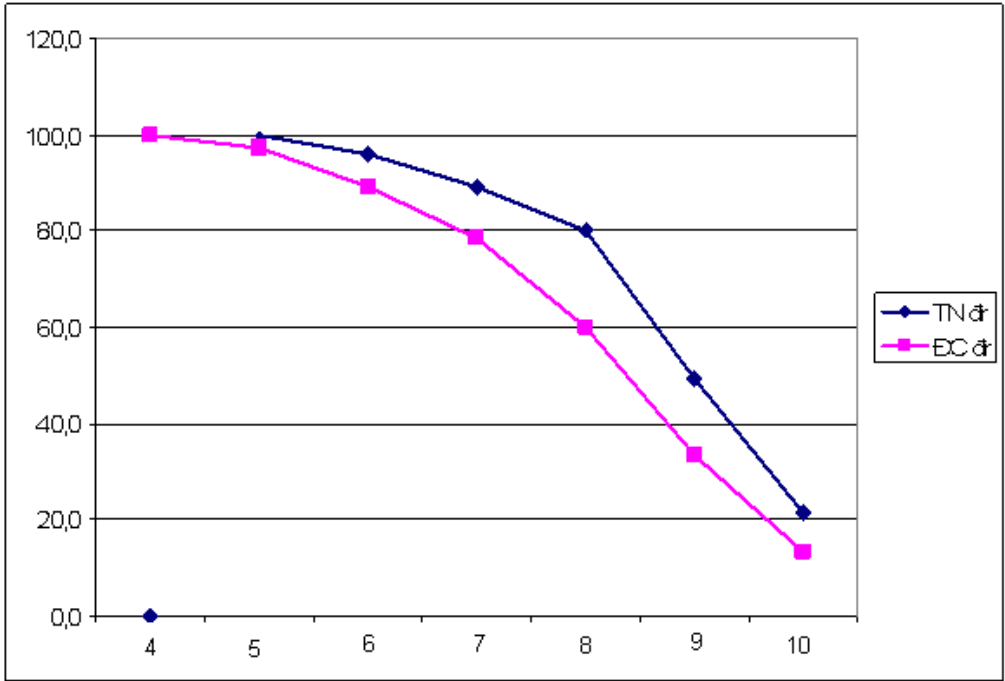
Hình 3.8: Đường biểu diễn tần suất hội tụ tiến của hai lớp TN và ĐC phân môn TLV 5.



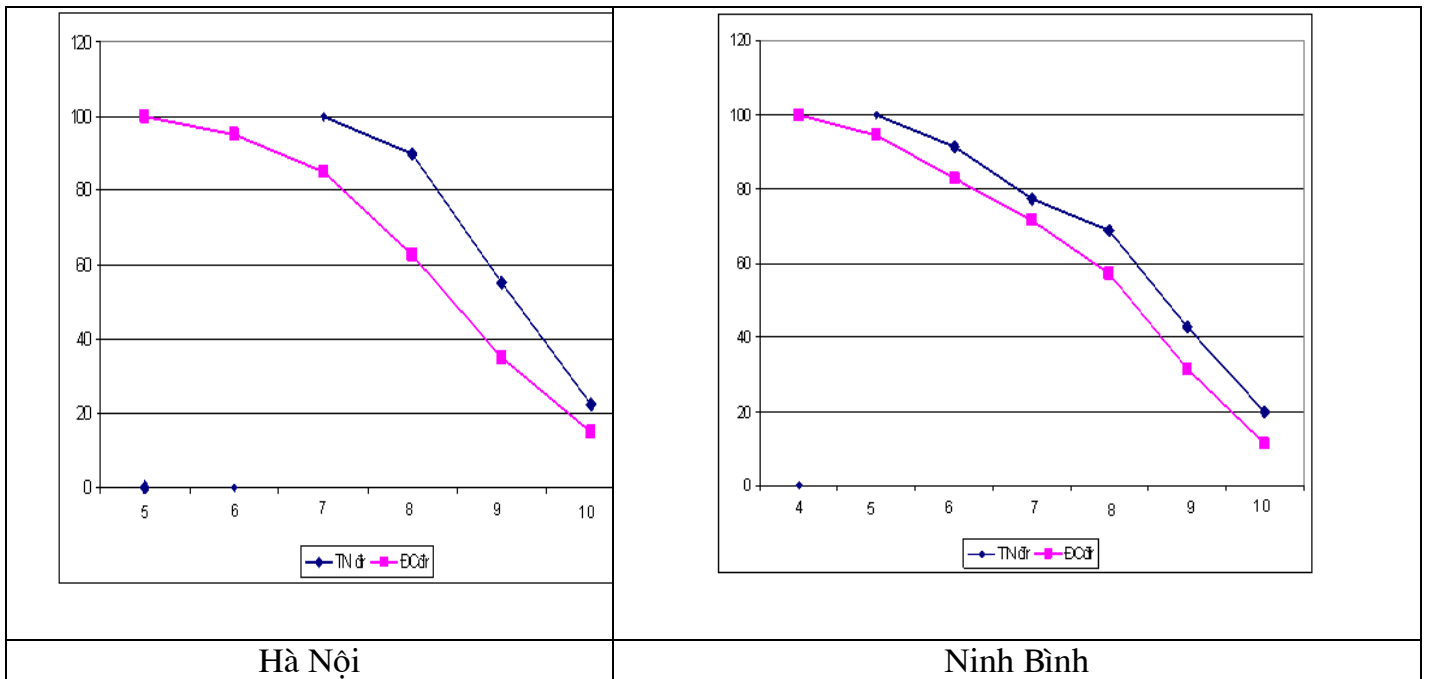
Hình 3.9 a và 3.9 b. Đường biểu diễn tần suất hội tụ tiến so sánh sự thay đổi của 2 tỉnh trước và sau tác động- phân môn TLV 5.



Hình 3.13. Đường biểu diễn tần suất hội tụ tiến của hai lớp TN và EC phân môn Địa lí 4.



Hình 3.14 a và 3.14 b. Đường biểu diễn tần suất hội tụ tiến so sánh sự thay đổi của 2 tỉnh trước và sau tác động- phân môn Địa lí lớp 4.



Sau khi phân tích các số liệu thu được, cùng với việc phỏng vấn GV, tìm hiểu và nghiên cứu bài làm của HS, chúng tôi có một số kết luận như sau:

- Trong tất cả các môn học làm thực nghiệm tại 2 khối lớp 4,5 ở trường Thăng Long và trường Thanh Bình, sau một thời gian tiến hành thực nghiệm, kết quả học tập của HS lớp TN luôn cao hơn, có những tiến bộ rõ rệt hơn so với lớp ĐC và so với chính bản thân lớp thực nghiệm.

- Các đường tần suất của lớp TN luôn nằm bên phải so với lớp ĐC, chứng tỏ số lượng HS đạt điểm cao của các lớp TN nhiều hơn so với các lớp ĐC.

- Các đường tần suất hội tụ tiến của các lớp TN luôn nằm phía trên bên phải so với lớp ĐC cũng chứng tỏ rằng, số lượng HS đạt điểm cao của lớp TN nhiều hơn so với lớp ĐC.

- Tỷ lệ HS đạt điểm khá, giỏi của các lớp TN khá cách biệt so với tỷ lệ này ở lớp ĐC chứng tỏ năng lực viết văn của HS lớp TN có tốt hơn so với kỹ năng này ở lớp ĐC.

- Việc vận dụng các biện pháp tổ chức dạy học theo quan điểm SPTT là khả thi và đã góp phần nâng cao chất lượng dạy học một số môn học tại trường tiểu học nói riêng và quá trình dạy học tiểu học nói chung.

- Đường hội tụ tiến các lớp TN ở Hà Nội cao hơn so với đường hội tụ tiến các lớp TN ở Ninh Bình chứng tỏ sự khác nhau về môi trường địa lí và xã hội cũng dẫn đến sự khác nhau và ảnh hưởng đến kết quả học tập của người học.

3.5. Nghiên cứu điển hình (Case study)

Chúng tôi đã chọn một số trường hợp cụ thể để nghiên cứu về các mặt *môi trường bên ngoài* (điều kiện của nhà trường, lớp học, điều kiện kinh tế- chính trị xã hội của địa phương, hoàn cảnh gia đình), *môi trường bên trong* (tình cảm và tích cách, vốn sống, tiềm năng trí tuệ, các giá trị). Đó là các em Trần Đức Hoàng, lớp 5 E trường Tiểu học Thăng Long quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, và em Đinh Thanh Dung lớp 4 B trường Tiểu học Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Em Trần Đức Hoàng, kí hiệu là TL-1 và em Đinh Thanh Dung kí hiệu là TL- 2. Sau khi nghiên cứu từng trường hợp, chúng tôi rút ra nhận xét sau : *Các yếu tố môi trường có tác động không nhỏ đến kết quả học tập của người học và người GV có thể điều chỉnh yếu tố môi trường giúp người học đạt kết quả cao nhất (ở từng mức độ khác nhau của từng người học) bằng việc GV biết tạo môi trường học tập thuận lợi nhất cho bộ máy học của người học hoạt động có hiệu quả, giúp người học có thể tự học suốt đời. Như vậy, cả ba yếu tố người dạy- người học và môi trường cùng tác động lẫn nhau và quyết định đến kết quả học tập của người học trong vai trò riêng của mình.*

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Nâng cao chất lượng dạy học nói chung và dạy học tiểu học nói riêng hiện nay là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Một trong những tiêu chí góp phần nâng cao chất lượng dạy học là đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường. Việc vận dụng quan điểm sư phạm tương tác là một trong những con đường đáp ứng được mục tiêu đó trong dạy học ở cấp tiểu học.

Muốn vận dụng tốt các biện pháp tổ chức các hoạt động tăng cường tính tương tác trong dạy học ở tiểu học, cần hiểu rõ khái niệm, nguyên tắc thực hiện, những điều kiện thực hiện cũng như mức độ vận dụng vào từng môn học, từng đối tượng học sinh và tùy thuộc vào khả năng chuyên môn cũng như các yếu tố khác của môi trường bên ngoài và bên trong của người học.

Thực hiện mục đích của luận án, đối chiếu với các nhiệm vụ của đề tài nghiên cứu, chúng tôi đã giải quyết được những vấn đề cụ thể như sau:

1.1. Trên cơ sở nghiên cứu và phân tích những kết quả nghiên cứu ở trong và ngoài nước về vấn đề dạy học theo quan điểm SPTT, nghiên cứu hoạt động SPTT dưới góc độ là một tiếp cận dạy học mới đặc biệt có hiệu quả giúp người học hoạt động tích cực hơn trong việc chiếm lĩnh tri thức nhân loại để hình thành và phát triển nhân cách, luận án đã làm phong phú hơn lý luận về sư phạm tương tác của Jean-Marc Denommé và Madeleine Roy bằng cách bổ sung môi trường trù tượng và chỉ rõ cách nào và bằng công cụ gì để nhà sư phạm phát huy tác động tích cực của môi trường đến người học và hoạt động học và việc vận dụng vào thực tế dạy học tiểu học.

Những nghiên cứu về cơ sở lý luận và thực tiễn một lần nữa đã khẳng định SPTT là một cách tiếp cận bền vững và có triển vọng lâu dài trong quá trình đi tìm các phương pháp dạy học hiện đại đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học trong hiện tại, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của môi trường có ảnh hưởng sâu đậm đến quá trình học tập của HS.

1.2. Kết quả điều tra thực trạng các quan hệ tương tác trong dạy học tiểu học hiện nay từ góc nhìn của SPTT cho thấy việc vận dụng quan điểm SPTT trong dạy học tiểu học là cần thiết. Việc tìm hiểu những thuận lợi và khó khăn khi sử dụng SPTT

trong giờ lên lớp ở trường tiểu học cũng chính là cơ sở quan trọng cho việc xác định nguyên tắc xây dựng các nhóm biện pháp tổ chức dạy học theo quan điểm SPTT.

1.3. Luận án đã đề xuất được 3 nhóm biện pháp tổ chức dạy học theo quan điểm SPTT: Tăng cường môi trường thông tin- Mở rộng môi trường hợp tác giao tiếp- Kích thích sự sáng tạo cho người học với 11 biện pháp cụ thể bao gồm mục tiêu, nội dung, cách thức thực hiện, mối quan hệ giữa các biện pháp trong môi trường sư phạm tương tác và quy trình chung để thực hiện tổ chức dạy học theo hướng tăng cường tính tương tác giữa người học- người dạy và môi trường trong dạy học tiểu học.

1.4. Tính khả thi của việc vận dụng quan điểm dạy học này được chứng minh qua kết quả thực nghiệm sư phạm ở trường tiểu học. Vận dụng hoạt động SPTT vào dạy học không những giúp HS lĩnh hội được các kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo bài học mà còn hình thành và rèn luyện cho HS những kĩ năng xã hội cơ bản. Việc phân tích kết quả định lượng và định tính cho thấy, HS ở các lớp thực nghiệm không chỉ lĩnh hội được tri thức, kĩ năng, kĩ xảo mà còn được bồi dưỡng năng lực hợp tác, óc sáng tạo và trí tưởng tượng phong phú- những phẩm chất quan trọng của con người thời đại mới. Ngoài ra thực nghiệm cũng cho thấy, có thể áp dụng hoạt động SPTT cho bất cứ giờ học, môn học nào. Song để giờ học SPTT thành công yêu cầu người GV cần có hiểu biết chi tiết đời sống của HS, có nhiều thời gian và đầu tư trí tuệ cho việc xây dựng kế hoạch giảng dạy, còn HS cần biết con đường đi trong hoạt động nhận thức để có phương pháp học tập phù hợp. Kết quả thực nghiệm chứng minh được tính khả thi của giả thuyết khoa học.

1.5. Những giáo án được thiết kế ở một số môn học tiểu học, các trò chơi học tập tăng cường tính tương tác, hệ thống các bài tập hợp tác và các bài tập sáng tạo trong môn Tiếng Việt ở tiểu học đã cụ thể hoá cơ sở lí luận về tổ chức dạy học theo quan điểm SPTT. GVTH có thể sử dụng những mẫu thực nghiệm sư phạm này trong quá trình giảng dạy. Việc đề xuất các nhóm biện pháp dạy học tăng cường tính tương tác ở tiểu học cũng đã khẳng định SPTT là một xu hướng tiếp cận có nhiều ưu điểm, mang tính chiến lược và có thể vận dụng khả thi với quy mô và tần suất nhiều hơn.

2. Khuyến nghị:

2.1. Đối với các cấp quản lý

** Đối với Bộ GD&ĐT:*

Chỉ đạo việc nghiên cứu và biên soạn tài liệu hướng dẫn vận dụng quan điểm dạy học này trong dạy học các môn học ở trường phổ thông, thực hiện chỉ đạo chuyên môn xuống cơ sở, tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề về việc vận dụng hoạt động SPTT

đồng thời tạo điều kiện khuyến khích các GV tham gia nhằm trao đổi kinh nghiệm, nghiên cứu tài liệu và nâng cao chuyên môn.

** Đối với Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, trường tiểu học và các lực lượng giáo dục::*

- Quan tâm tạo điều kiện để xây dựng một môi trường thuận lợi cho việc vận dụng SPTT vào hoạt động giảng dạy của GV.

- Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất trường học cho các nhà trường góp phần đảm bảo yếu tố môi trường bên ngoài thuận lợi cho quá trình dạy học.

2.2. Đối với giáo viên tiểu học

- Sản phẩm đồ dùng dạy học tự làm bằng trò chơi đa năng rất phù hợp với điều kiện kinh tế của các vùng miền cần được nhanh chóng nhân rộng áp dụng rộng rãi cho các GVTH trong các nhà trường tiểu học ở Việt Nam hiện nay.

- Người GV cần trang bị cho mình những kiến thức cơ bản về hoạt động SPTT để hiểu rõ, hiểu sâu sắc về bản chất, những ứng dụng và cách thực hiện ở các môn học như thế nào.

- GV cần nâng cao năng lực chuyên môn để có thể tiếp cận, thực hành vận dụng những lí luận của đề tài vào công tác giảng dạy thực tế.

- Việc vận dụng quan điểm SPTT trong dạy học đòi hỏi người GV phải đầu tư nhiều công sức, thời gian và dành nhiều tâm huyết với bài dạy, vì vậy, vấn đề này cần được trao đổi thảo luận trong tổ chuyên môn trước khi đem ra áp dụng.